

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HS-PT
Ngày 30 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang
Ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của ông Đinh Quang T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đối với:

1. Bị cáo: **Nguyễn Trọng Q**, Sinh ngày: 20/8/1983 tại huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: khu A V, xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1957; Con bà: Tạ Thị Q, sinh năm 1962; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Quang T, sinh năm 1969 và bà Võ Thị H, sinh năm 1971 (Ông T có mặt, bà H vắng mặt).

Địa chỉ: Khu X, Đ B, xã Đ T, huyện M L, thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T và bà H: Luật sư Đặng Văn C - Công ty Luật TNHH T C (Có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ X, tòa nhà N - T P M C, KĐT N, phường X T, quận B T L, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu M S, xã S T, huyện C K, tỉnh Phú Thọ;

- Ông Phạm Đình P, sinh năm 1959 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu X, xã T S, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ;.

- Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1960 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu X, xã T S, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ;

- Anh Trần Xuân L, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu T M, xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ;

- UBND huyện Đ H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Hùng L - Chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ H (Vắng mặt).

- Chi cục Thuế huyện Đ H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: Chi cục trưởng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2019, Nguyễn Trọng Q sinh năm 1983 ở khu A V, xã H L, huyện Đ H là cán bộ địa chính xã V Đ, huyện Đ H. Do cùng là cán bộ địa chính nên Q có quen biết với anh Hoàng Đức H sinh năm 1981 ở khu Đ T, thị trấn C K, huyện C K, tỉnh Phú Thọ và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Anh H có bạn là Anh Nguyễn Hồng Q sinh năm 1981 ở Khu M S, xã S T, huyện C K.

Giữa năm 2019, thông qua anh Nguyễn Huy C sinh năm 1998 ở khu L T, xã S T, Anh Q biết vợ chồng ông Đinh Quang T sinh năm 1969 và bà Võ Thị H sinh năm 1971 ở Khu X Đ B, xã Đ T, huyện M L, Hà Nội đang có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.599m² tại thôn 13 (nay là khu 7), xã T S. Sau khi liên lạc với bà H, hai bên hẹn nhau đến xem đất và thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Ngày 02/7/2019, Anh Q rủ anh H và anh Hoàng Liên S sinh năm 1981 ở khu Xóm C, xã S T cùng đi đến xã T S gặp vợ chồng ông T, bà H cũng như nhờ anh H giúp soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh H đồng ý, gọi điện thoại cho Q, nhờ Q đến tư vấn thủ tục chuyển nhượng hộ Anh Q. Q đồng ý.

Chiều cùng ngày, sau khi thống nhất giá trị chuyển nhượng thửa đất là 500.000.000đ, Anh Q và vợ chồng ông T, bà H ký với nhau Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ghi giá trị chuyển nhượng là 700.000.000đ. Lý do ghi giá trị chuyển nhượng như vậy là để phù hợp với thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận thực hiện hợp đồng lập cùng ngày giữa hai bên về việc ưu tiên cho vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng lại thửa đất trên trong thời hạn 05 năm, nếu trong năm đầu tiên, vợ chồng ông T trả cho Anh Q số tiền 700.000.000đ thì Anh

Q sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên cho ông T và bà H. Các năm tiếp theo nếu vẫn có nhu cầu thì sẽ làm thỏa thuận riêng từng năm, giá trị chuyển nhượng theo giá từng thời điểm tương ứng. Sau khi soạn thảo Hợp đồng, ông T, bà H đến nhà ông Phạm Đình P sinh năm 1959 ở Khu X, xã T S (là cán bộ địa chính xã T S thời điểm bấy giờ) để xin xác nhận. Ông P viết lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng mẫu, ghi ngày giao kết là 02/6/2019 nhưng không chuyển đến bộ phận một cửa theo đúng trình tự, thủ tục mà tự điền số ngẫu nhiên vào phần thứ tự và số sổ chứng thực, viết lời chứng rồi đưa cho vợ chồng ông T ký tên vào bên chuyển nhượng. Sau đó, ông T và bà H mang bản Hợp đồng trên đến gặp ông Phạm Đình L sinh năm 1960 ở Khu X, xã T S (là Chủ tịch xã T S thời điểm bấy giờ) để xin chứng thực. Ông L xem Hợp đồng, xác định phần lời chứng đúng là chữ viết của ông P nên đã ký tên vào dưới phần chứng thực trên Hợp đồng rồi đưa lại cho vợ chồng ông T để lấy dấu của UBND xã T S. Sau khi hoàn thiện việc chứng thực, vợ chồng ông T mang Hợp đồng về đưa cho Anh Q ký. Anh Q cầm bản Hợp đồng, Đơn đăng ký biến động đất đai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839105 mang tên Đình Quang T và Võ Thị H cùng bản photo giấy tờ tùy thân của ông T, bà H rồi trả cho vợ chồng ông T số tiền theo thỏa thuận thực tế là 500.000.000đ.

Do không phải người địa phương, không biết thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên chiều tối cùng ngày, sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông T, bà H xong, Anh Q đưa toàn bộ hồ sơ gồm các tài liệu đã nhận từ vợ chồng ông T cùng số tiền 25.000.000đ cho Q, nhờ Q làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trên sang cho Anh Q và vợ là chị Tạ Thị Hồng N sinh năm 1985. Q đồng ý. Sau khi xem lại, thấy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 02/6/2019 trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, bà H lại vào ngày 11/6/2019 nên Q đã tự ý viết lại Hợp đồng trên theo các thông tin trên Hợp đồng cũ, ghi ngày 30/7/2019 cho phù hợp, đồng thời tự ghi giảm giá trị chuyển nhượng xuống còn 285.000.000đ, mục đích để giảm bớt số tiền thuế, lệ phí phải nộp nhằm hưởng lợi số tiền trên. Q cũng tự lập lại đơn đăng ký biến động đất đai và tự lập biên bản kiểm tra hiện trạng trên cơ sở trích lục thửa đất xin từ chỗ anh Nguyễn Xuân Linh sinh năm 1992 ở cùng khu (là lao động hợp đồng của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ H). Q không nói việc Q lập lại các tài liệu trên cho vợ chồng Anh Q và vợ chồng ông T mà tự mình ký và viết tên Anh Q trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhờ một số người dân không quen biết đến làm việc tại UBND xã V Đ thời điểm đó ký, viết tên ông T, bà H, chị N và những người ở hộ giáp ranh. Sau đó, Q mang Hợp đồng cùng Biên bản kiểm tra hiện trạng đến nhà ông P, nhờ ông P ký xác nhận và xin chữ ký của anh Nguyễn Trung Đức sinh năm 1970 (Trưởng khu 13) và Ông L. Do tin tưởng Q đồng thời biết việc chuyển nhượng giữa vợ chồng ông T, bà H với Anh Q là có thật nên ông P không xem kỹ Hợp đồng, không kiểm tra thực trạng trên thực tế, không đối chiếu chữ ký của các thành phần có tên trên Hợp đồng và Biên bản kiểm tra hiện trạng và tự ký xác nhận vào phần “Cán bộ địa chính” tại Biên bản kiểm tra hiện trạng, viết lời chứng trên Hợp đồng và trình Ông L ký xác nhận vào mục

“T.M Ủy ban nhân dân”. Ông L không nhớ việc trước đó đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên nên cũng không kiểm tra, đối chiếu thông tin trên Hợp đồng và biên bản kiểm tra hiện trạng mà ký xác nhận vào Hợp đồng này rồi chuyển lại cho ông P vào sổ, đóng dấu. Ông P không thực hiện theo đúng quy trình tiếp nhận mà tự điền số chứng thực vào Hợp đồng, chuyển đóng dấu rồi đưa lại bản Hợp đồng cùng Biên bản kiểm tra hiện trạng cho Q.

Sau khi nộp thuế thu nhập cá nhân do chuyển quyền sử dụng đất là 5.700.000đ và lệ phí trước bạ là 1.425.000đ, Q mang toàn bộ hồ sơ đến nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Đ H đề nghị chuyển quyền sử dụng thửa đất trên sang cho vợ chồng Anh Q. Khi tiếp nhận hồ sơ, thấy có đầy đủ chữ ký và chứng thực, biên bản kiểm tra hiện trạng không phải tài liệu bắt buộc nên Anh L không kiểm tra hiện trạng trên thực tế mà ký tên vào biên bản kiểm tra hiện trạng, trình hồ sơ cho Lãnh đạo duyệt. Đến ngày 23/8/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 cho vợ chồng Anh Q. Anh Q không hỏi và Q cũng không nói cho Anh Q biết chi phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết bao nhiêu tiền. Số tiền 17.875.000đ còn lại sau khi nộp thuế, lệ phí, Q một mình chi tiêu cá nhân hết.

Đến tháng 12/2021, ông T biết Anh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và đã làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác nên đã đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ H xin sao lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh Q. Sau khi kiểm tra, phát hiện chữ ký của bản thân và bà H trong hồ sơ này là giả, ông T đã gửi đơn kèm theo bản photo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/2019, Văn bản thỏa thuận thực hiện Hợp đồng ghi ngày 02/7/2019 đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ H, tố giác ông Q có hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản cũng như cùng những người có liên quan làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 vốn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác của ông T, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ H đã triệu tập Nguyễn Trọng Q và những người liên quan đến trụ sở làm việc để làm rõ. Nguyễn Trọng Q thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã ra tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết và con dấu trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Biên bản kiểm tra hiện trạng, đơn đăng ký biến động đất trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/8/2023, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hồng Q, Đinh Quang T, Tạ Thị Hồng N trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 30/7/2019 không phải do những người này ký, viết ra. Chữ ký, chữ

viết đứng tên Nguyễn Hồng Q trên các văn bản trên là do Nguyễn Trọng Q ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết đứng tên hộ giáp ranh gồm Đinh Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Huy T trên biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 30/7/2019 không phải do những người này ký, viết ra”.

Ngày 23/8/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

“Ông Nguyễn Đình L là người đã ký tên dưới mục “Chủ tịch/Phó Chủ tịch; T/M. Ủy ban nhân dân” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Biên bản kiểm tra hiện trạng.

Ông Phạm Đình P là người đã ký tên dưới mục “Cán bộ địa chính” trên “Biên bản kiểm tra hiện trạng.

Hình dấu tròn đỏ có nội dung “UBND XÃ T S H. Đ H T. PHÚ THỌ” trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng là con dấu của UBND xã T S”.

Ngày 31/10/2023, Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

“Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Đình Quang T” dưới mục “Người viết đơn” trong “Đơn đăng ký biến động đất đai” không phải do ông Đình Quang T ký, viết ra.

Ngày 15/01/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

“Chữ ký dạng chữ viết “H” và các chữ họ tên “Võ Thị H” dưới mục “Bên A, Bên chuyển quyền SD đất; Người viết đơn” trong “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Biên bản kiểm tra hiện trạng, Đơn đăng ký biến động đất đai không phải do bà Võ Thị H ký, viết ra.

Nguyễn Trọng Q không phải người đã ký, viết tên các hộ giáp ranh trên Biên bản kiểm tra hiện trạng”

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ H cũng tiến hành trưng cầu giám định thiệt hại về thuế do hành vi của Q gây ra. Sau khi giám định, Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác định có đủ cơ sở để xác định giá trị chuyển nhượng thực tế của quyền sử dụng đất trên là 500.000.000đ, (năm trăm triệu đồng). Cục thuế tỉnh Phú Thọ kết luận:

“Hành vi sử dụng hồ sơ không hợp pháp để kê khai giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá trị chuyển nhượng thực tế để nhằm làm giảm số tiền thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ phải nộp nêu trên là hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp. Đây là hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, ngày 29/11/2006 và hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định tại Khoản 2, Điều 24, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 49/2016/NĐ-CP.

Số thuế, lệ phí thiệt hại Nhà nước của các cá nhân trên qua hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 5.375.000đ (năm triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng). Trong đó tiền thuế thu nhập cá nhân là 4.300.000đ, lệ phí trước bạ là 1.075.000đ”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng Q phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho UBND xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo tương đương số tiền 250.000đ/ tháng để sung công quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

3. Về xử lý vật chứng:

Lưu hồ sơ vụ án: Văn bản thỏa thuận thực hiện Hợp đồng ghi ngày 02/7/2019 do ông Đinh Quang T giao nộp; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đơn đăng ký biến động đất đai và biên bản kiểm tra hiện trạng đều ghi ngày 30/7/2019 là các tài liệu do Q làm giả, cơ quan điều tra đã thu giữ.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ H: Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N để cấp lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2024, ông Đinh Quang T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 nay là khu 7 xã T S, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ và đề nghị xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị: HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Quang T. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt vì ông T không hiểu rõ về phạm vi kháng cáo nên xin rút.

Ông T nhất trí với ý kiến của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Quang T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Đinh Quang T trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Q thực chất là việc vay tiền để tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N mà lại kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N để cấp lại theo đúng quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nhận định: Ông Đinh Quang T đề nghị trả lại cho ông Nguyễn Hồng Q số tiền 630.000.000đ để nhận lại Quyền sử dụng đất thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14 và yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền 90.000.000đ là tiền chi phí ông T đi lại, làm việc với các Cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án trên. Ông Q không nhất trí yêu cầu trên. Đây là vấn đề dân sự, cần tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn yêu cầu. Hơn nữa, theo mục 3, phần I Giải đáp số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của

TAND Tối cao đã hướng dẫn như sau: “*Trường hợp người phạm tội giả chữ ký của người sử dụng đất để thực hiện thủ tục xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vào việc thực hiện hành vi phạm tội thì khi xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó*”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông T, bà H với Anh Q, chị N trong vụ án này mà tách ra giải quyết vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Quang T, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

[3] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật và nhận định của HĐXX nên được chấp nhận

[4] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đinh Quang T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Quang T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng Q phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Q 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho UBND xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ giám sát,

giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H L, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo tương đương số tiền 250.000đ/ tháng để sung công quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

3. Về xử lý vật chứng:

Lưu hồ sơ vụ án: Văn bản thỏa thuận thực hiện Hợp đồng ghi ngày 02/7/2019 do ông Đinh Quang T giao nộp; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đơn đăng ký biến động đất đai và biên bản kiểm tra hiện trạng đều ghi ngày 30/7/2019 là các tài liệu do Q làm giả, cơ quan điều tra đã thu giữ.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ H: Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839973 cấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Tạ Thị Hồng N để cấp lại theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đinh Quang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Đ H;
- VKSND huyện Đ H;
- Công an huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ: Ô.T;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng

